

Bản án số: 03/2017/HC-PT.
Ngày: 30-3-2017
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về
việc xử phạt vi phạm hành chính và quyết định
cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt
vi phạm hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thu**.

Các Thẩm phán: Bà **Ngô Thị Minh Trang**

Bà **Nguyễn Thị Kim Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hy Len** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông **Trương Văn Chi**

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2017/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2017 về “*khiếu kiện quyết định hành chính về việc xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 20/2016/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2017/QĐPT-HC ngày 15 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lê Thanh D, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Luật sư L – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Ấp Lê Bát, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã C: Ông Hà Việt H, sinh năm 1982 – Chức vụ: Phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã C (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- NLQ1, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: 30C Hoàng Văn Thụ, khu phố 5, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang;

- NLQ2, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang;

- NLQ3, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang;

- NLQ4, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Lê Bát, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang;

4. *Người kháng cáo:* Chủ tịch ủy ban nhân dân xã C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Lê Thanh D trình bày:*

Nguồn gốc toàn bộ diện tích đất 105.000m² (đo đạc thực tế 102.423,39m²) tọa lạc tại ấp 2, xã C, huyện P là do ông Nguyễn Văn Q trú tại khu phố 5, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang khai khẩn từ năm 2000, trên đất có trồng rất nhiều tràm bông vàng và tràm lá keo lớn.

Ngày 25/4/2010, ông D đại diện cho 5 anh chị em là NLQ1, NLQ3, NLQ2 và NLQ4 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Q diện tích đất 75.000m² và toàn bộ thành quả lao động trên đất.

Ngày 10/4/2015, ông D tiếp tục làm đại diện nhận chuyển nhượng của ông Q diện tích 30.000m².

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông D cùng 5 anh em canh tác trên phần đất 105.000m², tiếp tục trồng và khai thác tràm làm ván và trồng thêm một số cây như xà cừ, đào, mít, dừa, xoài...

Ngày 24/9/2015, Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 153/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông D do có hành vi chiếm diện tích 102.423,9m² đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất do Nhà nước quản lý. Với hình phạt chính là phạt tiền 2.000.000đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Ông D không đồng ý với quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã C nên không nhận quyết định.

Ngày 26/02/2016, Chủ tịch UBND xã C tiếp tục ban hành Quyết định số 06/QĐ-CC cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 153/QĐ-XPVPHC. Nội dung của quyết định cưỡng chế là: Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền

phạt để bán đấu giá và buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm đối với diện tích 102.423,39m².

Ông D không đồng ý với hai quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND xã C vì phần đất này do ông nhận chuyển nhượng có nguồn gốc rõ ràng và có nhiều thành quả lao động trên đất.

Ngày 11/3/2016, ông D khởi kiện tại TAND huyện P yêu cầu hủy Quyết định số 153/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2015 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 06/QĐ-CC ngày 26/02/2016 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã C.

** Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện Chủ tịch UBND xã C và người đại diện trình bày:*

Ngày 19/5/2015, UBND xã C ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ kiểm tra, truy quét, xử lý các tổ chức, cá nhân bao chiếm đất và chặt phá rừng trái phép trên địa bàn xã C. Quá trình thực hiện có kiểm tra việc quản lý sử dụng đất tại vị trí đất thuộc tổ 5, ấp 2, xã C đối với ông Lê Thanh D. Vào tháng 4/2015, ông D đưa xe cơ giới vào tác động phát dọn, trồng cây, cất một căn nhà và quản lý sử dụng, qua đo đạc thực tế ngày 12/8/2015 có diện tích 102.423,39m², cụ thể như sau:

- Vào năm 2003, ông Nguyễn Văn Q vào phần đất diện tích 29.859m² phát dọn cây rừng. Ngày 02/7/2003, UBND huyện P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 15.940.000đồng và hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ lâm sản do ông Q khai thác trái phép là 7,97m² trên diện tích bao chiếm 29.859m² và buộc di dời ra khỏi rừng vi phạm. Sau khi có quyết định xử phạt ông Q có trồng tràm bông vàng (theo đo đạc thực tế phần diện tích 7.489,26m² có tràm bông vàng). Ngày 28/7/2004, UBND huyện P ban hành quyết định thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Q diện tích 29.859m². Từ năm 2004 đến năm 2015 đối với diện tích 29.859m² có quyết định thu hồi đất tên Nguyễn Văn Q không ai sử dụng hay tác động đến đất.

- Diện tích đất còn lại 72.564,39m² trong đó có diện tích khoảng 10.000m² trước năm 2004 đất không ai sử dụng thuộc đất Nhà nước quản lý. Năm 2004 – 2005 gia đình ông Trần Thái D vào diện tích đất trên trồng 01 thớt tiêu khoảng 1.000 bụi loại tiêu dây lươn trồng theo cây rừng và trồng tràm bông vàng. Khoảng 2006 – 2007 đo đạc trên bản đồ địa chính tên Trần Thái D thuộc tờ bản đồ số 14, thửa số 248, diện tích 25.829,3m² nhưng thực tế từ năm 2005 đến nay gia đình ông D bỏ không sử

dụng. Diện tích còn lại 62.564,39m² từ trước đến nay không ai sử dụng hay tác động gì.

Đến tháng 4/2015, ông Lê Thanh D đưa xe cơ giới vào tác động phát dọn, đào mương lên líp trồng cây trên đất và cất 01 căn nhà gỗ trên tổng diện tích theo đo đạc thực tế 102.423,39m². Quá trình làm việc ông Lê Thanh D thừa nhận ông là người quản lý sử dụng và đưa xe cơ giới vào tác động phần diện tích đất trên.

Ngày 18/9/2015, UBND xã C lập biên bản vi phạm hành chính số 99/BB-VPHC đối với ông Lê Thanh D do đã có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm diện tích 102.423,39m² đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất do Nhà nước quản lý, vị trí đất tại tổ 5, ấp 2, xã C, huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 24/9/2015, UBND xã C ban hành Quyết định số 153/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D đã có hành vi: Chiếm diện tích 102.423,39m² đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất do Nhà nước quản lý.

Ngày 26/02/2016, UBND xã C ban hành Quyết định số 06/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông D lý do không thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 153/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2015.

Ngày 01/3/2016, UBND xã C ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện Quyết định số 06/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D.

Ngày 04/3/2016, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Kế hoạch số 01/KH-BTHCC về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Thanh D tại thửa đất diện tích 102.423,39m².

Ngày 10/6/2016, UBND xã C có tổ chức cuộc họp động viên ông Lê Thanh D thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã C, nhưng ông D không chấp hành.

Ngày 15/3/2016, Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế đối với ông Lê Thanh D tại thửa đất diện tích 102.423,39m², nhưng ông D vắng mặt.

Việc UBND xã C lập biên bản vi phạm hành chính số 99/BB-VPHC ngày 28/9/2015 đối với ông Lê Thanh D là đúng theo mẫu biên bản số 01 của Nghị định số

81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp xử lý vi phạm hành chính. Đúng thể thức theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 09/01/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Căn cứ pháp lý để xác định hành vi vi phạm là đúng theo khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Việc UBND xã C ban hành Quyết định số 153/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2015 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D là đúng mẫu quyết định số 02 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ. Đúng thể thức theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 09/01/2011 của Bộ Nội vụ. Căn cứ pháp lý để xác định hành vi vi phạm là đúng theo khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Đúng thẩm quyền theo Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP.

Việc UBND xã C ban hành Quyết định số 06/QĐ-CC ngày 26/02/2016 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm đối với ông Lê Thanh D đúng theo mẫu quyết định số 06 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ. Căn cứ pháp lý là đúng theo Điều 86 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND xã C khẳng định Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D là đúng đối tượng, đúng hành vi vi phạm, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Chủ tịch UBND xã C đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Lê Thanh D, giữ nguyên Quyết định số 153/QĐ-XPVPHC ngày 24/6/2015 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 06/QĐ-CC ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND xã C về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D.

** Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 đều thống nhất với lời trình bày của ông Lê Thanh D và không có yêu cầu gì khác.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2016/HC-ST ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang quyết định:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh D;

- Hủy Quyết định số 153/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D;

- Hủy Quyết định số 06/QĐ-CC ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

** Ngày 03 tháng 10 năm 2016, người đại diện của Chủ tịch UBND xã C có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 20/2016/HC-ST ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Lê Thanh D.*

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Hà Việt H cho rằng ông Lý Thành L là Công chức địa chính xã C, nên được phép lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Điều 25 Luật đất đai.

Biên bản vi phạm hành chính lập sau khi phát hiện vi phạm nhiều tháng là do tính chất phức tạp của vụ việc cần phải đo đạc, xác minh mới xác định được đối tượng vi phạm, diện tích đất bị chiếm.

Lập biên bản vi phạm tại xã và không có mặt người vi phạm là do người vi phạm không đến theo giấy mời của xã.

Ông Hà Việt H cũng thừa nhận trong giấy mời gửi cho ông D không có nêu nội dung mời để lập biên bản vi phạm hành chính. Sau khi lập biên bản không có gửi biên bản vi phạm hành chính cho ông D vì ông D không hợp tác.

Đối với biện pháp khắc phục hậu quả thì căn cứ vào các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra đã thể hiện rõ hành vi vi phạm nên biên bản vi phạm hành chính không nêu.

Việc tổng đạt quyết định xử phạt trễ hạn là chưa đúng, nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D. Đề nghị Tòa sửa án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông D.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D đề nghị Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm vì việc lập biên bản vi phạm hành chính không đúng quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, nên biên bản này không có giá trị. Từ đó dẫn đến quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế được ban hành trái pháp luật. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 5/6/2015 ông Lý Thành L là Công chức địa chính xã C lập biên bản kiểm tra và đo đạc tại vị trí thửa đất thuộc tổ 5, ấp 2, xã C do ông Hoàng, không rõ nhân thân lái xe cuốn gom cây rừng theo hàng và đào mương, lên liếp trên đất thuộc Nhà nước quản lý với diện tích 69.773,8 m².

Liên tiếp các ngày 11/6; 18/6; 14/7; và 20/7/2015 ông Lý Thành L lập các biên bản kiểm tra việc sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn H, Danh Hữu T, NLQ2, Lê Thanh D tại vị trí thửa đất trên.

Ngày 12/8/2015 ông Lý Thành L lập biên bản đo đạc thực tế thửa đất ông Lê Thanh D thừa nhận đang quản lý sử dụng và chỉ ranh đo đạc tại tổ 5, ấp 2, xã C có tổng diện tích 102.423,39 m².

Thời điểm này được xem là kết thúc quá trình xác minh thu thập chứng cứ liên quan đến vi phạm hành chính. Căn cứ theo khoản 1, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính: *“Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì việc lập biên bản vi phạm hành chính được tiến hành ngay khi xác định được tổ chức cá nhân vi phạm”*.

Ủy ban nhân dân xã C ban hành thông báo số 81/TB-UBND ngày 14/9/2015 mời ông D đến làm việc liên quan đến vị trí đất trên vào ngày 18/9/2015 không nói rõ nội dung lập biên bản vi phạm hành chính và lập biên bản sau 6 ngày phát hiện cá nhân vi phạm là không đúng qui định.

Về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính: Theo qui định tại Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính gồm người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ. Ông L là công chức địa chính nhưng không được người có thẩm quyền xử phạt phân công để thi hành công vụ nên không có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C không giao biên bản cho người vi phạm, là vi phạm qui định tại khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy về thẩm quyền, trình tự lập biên bản vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã không tuân thủ theo Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính nên biên bản này không có giá trị pháp lý.

Về nội dung: Theo qui định tại Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 xác định đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ,

rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất do Nhà nước quản lý tức loại trừ 3 loại đất này thì còn lại một số loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp trong biên bản vi phạm hành chính cần phải chỉ rõ không thể nói chung chung khi lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt.

Biên bản vi phạm hành chính cũng không nêu rõ hành vi chiếm đất của ông D cụ thể là gì (trồng cây, đào nương, chặt phá cây rừng...) mà chỉ nêu chung căn cứ theo biên bản làm việc cũng không nói rõ theo biên bản nào là không đúng theo qui định tại Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 153/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2015 ban hành căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính số 99/BB-VPHC ngày 18/9/2015 là một biên bản vi phạm hành chính trái pháp luật nên quyết định này cũng trái pháp luật.

Đối với việc gửi quyết định vi phạm hành chính Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính, tuy không ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị xử phạt nhưng cũng cần phải rút kinh nghiệm.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật dẫn đến việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C ban hành quyết định số 06/QĐ-CC ngày 26/2/2016 cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 153/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C cũng trái pháp luật.

Từ những phân tích trên thấy rằng cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh D về việc hủy 2 quyết định bị kiện là có căn cứ.

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị nên bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2016/HC-ST ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện P.

Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng). Hoàn tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện ông Lê Thanh D.

Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện P. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 20/2016/HC-ST ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng vào Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Điều 34 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh D;

Hủy Quyết định số 153/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D;

Hủy Quyết định số 06/QĐ-CC ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Thanh D.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Lê Thanh D số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007958 ngày 16/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008356 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND, CCHADS huyện P;
- UBND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Minh Trang Nguyễn Thị Kim Hương Nguyễn Thị Cẩm Thu